



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty
Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng Bà La Bùi Hồng Ngọc Bà Bùi Bích Hồng Ông La Hoài Nam Ông Jean-Eric Jacquemin	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng Bà La Bùi Hồng Ngọc Bà Đào Thị Thuận Bà Nguyễn Thị Kim Chi Ông Lê Bá Cương Bà Đồng Thị Ngọc Triều	Tổng Giám đốc Giám đốc Thương mại Giám đốc Cung ứng Giám đốc Tài chính Giám đốc nhân sự Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lỗ thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 110.188.653.395 VND (2010: lợi nhuận thuần là 48.579.168.146 VND). Trong năm, Tập đoàn không công bố cổ tức (2010: 8.922.220.000 VND cổ tức bằng cổ phiếu).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Kế toán và các qui định pháp lý có liên quan.



Là Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 5 tháng 3 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) ("Công ty") và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 11-01-296



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2012

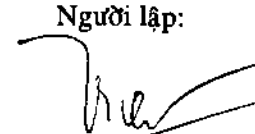
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

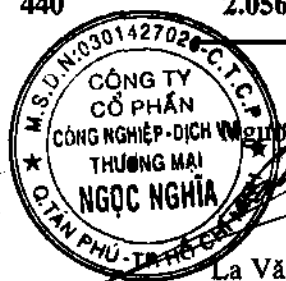
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		572.323.728.518	728.450.645.932
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.387.663.847	84.396.800.343
Phải thu ngắn hạn	130	5	220.003.208.812	249.212.678.415
Phải thu khách hàng	131		191.040.045.639	172.900.101.736
Trả trước cho người bán	132		18.721.827.370	67.546.079.651
Các khoản phải thu khác	135		10.241.335.803	8.766.497.028
Hàng tồn kho	140	6	276.197.958.319	326.253.223.365
Hàng tồn kho	141		306.142.319.513	326.304.540.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.944.361.194)	(51.317.118)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.734.897.540	68.587.943.809
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.831.248.661	8.930.527.869
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.288.544.496	56.801.352.720
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		30.485.697	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		584.618.686	2.856.063.220
Tài sản dài hạn	200		1.484.503.068.243	1.509.381.297.473
Phải thu dài hạn	210		4.662.277.500	8.084.801.381
Tài sản cố định	220		1.405.638.058.550	1.412.737.177.616
Tài sản cố định hữu hình	221	7	860.587.705.515	712.874.755.959
Nguyên giá	222		1.224.267.450.915	970.924.296.165
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.679.745.400)	(258.049.540.206)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	193.271.079.311	230.952.248.868
Nguyên giá	225		238.668.508.457	270.252.236.918
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(45.397.429.146)	(39.299.988.050)
Tài sản cố định vô hình	227	9	291.628.329.308	264.123.025.967
Nguyên giá	228		299.616.184.220	269.465.483.430
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.987.854.912)	(5.342.457.463)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	60.150.944.416	204.787.146.822
Tài sản dài hạn khác	260		74.202.732.193	88.559.318.476
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.396.371.859	21.472.802.182
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	2.316.778.124	1.529.035.468
Tài sản dài hạn khác	268		5.545.013.727	3.019.861.352
Lợi thế thương mại	269	13	55.944.568.483	62.537.619.474
TỔNG TÀI SẢN	270		2.056.826.796.761	2.237.831.943.405

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.462.562.406.684	1.658.312.222.583
Nợ ngắn hạn	310		1.024.505.175.501	963.738.071.255
Vay ngắn hạn	311	14	855.084.665.308	806.716.007.182
Phải trả thương mại	312		67.637.834.169	109.094.468.733
Người mua trả tiền trước	313		44.776.452.200	6.565.740.024
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	18.980.807.486	13.929.030.333
Phải trả nhân viên	315		1.663.411.160	984.715.600
Chi phí phải trả	316	16	19.076.074.826	14.556.351.998
Các khoản phải trả khác	319	17	13.883.805.964	7.262.021.149
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.402.124.388	4.629.736.236
Nợ dài hạn	330		438.057.231.183	694.574.151.328
Phải trả dài hạn khác	333		-	77.119.502
Vay và nợ dài hạn	334	18	438.049.637.859	692.860.122.791
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		7.593.324	1.636.909.035
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		594.264.390.077	577.565.985.039
Vốn chủ sở hữu	410		594.264.390.077	577.565.985.039
Vốn cổ phần	411	19	522.500.000.000	396.606.520.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	(780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	20	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.985.498.273	117.180.573.235
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	-	1.953.735.783
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.056.826.796.761	2.237.831.943.405

Người lập:

 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	22	1.860.760.889.026	1.209.020.155.915
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(23.024.380.276)	(5.744.054.148)
Doanh thu thuần	10		1.837.736.508.750	1.203.276.101.767
Giá vốn hàng bán	11		(1.393.035.546.741)	(817.167.019.276)
Lợi nhuận gộp	20		444.700.962.009	386.109.082.491
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.369.350.219	3.565.350.988
Chi phí tài chính	22	24	(270.744.056.835)	(126.115.080.731)
Chi phí bán hàng	24		(175.795.713.378)	(109.683.051.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(86.373.345.584)	(84.155.041.576)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(82.842.803.569)	69.721.259.720
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	25	36.028.446.519	32.830.269.881
Chi phí khác	32	26	(32.414.716.080)	(30.861.921.142)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	40		-	2.587.659.115
Lợi nhuận trước thuế	50		(79.229.073.130)	74.277.267.574
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	27	(31.747.322.921)	(26.476.208.357)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	27	787.742.656	778.108.929
(Lỗ)/lợi nhuận thuần	60		(110.188.653.395)	48.579.168.146

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số	61	21	(1.953.735.783)	(3.865.990.376)
Cổ đông của Công ty	62		(108.234.917.612)	52.445.158.522
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(2.107)	1.380
<hr/>				

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012

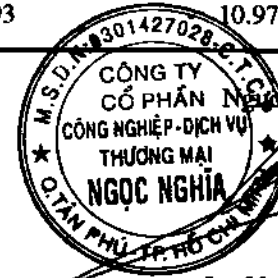
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	371.077.780.000	46.900.000.000	-	-	(136.484.024)	1.014.319.564	192.503.849	87.654.038.609	506.702.157.998
Vốn cổ phần đã phát hành	16.606.520.000	-	-	-	-	-	-	-	16.606.520.000
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(780.000)	-	-	-	-	-	(780.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	52.445.158.522	52.445.158.522
Trích vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	9.958.794.598	-	(9.958.794.598)	-
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.983.517.838)	(3.983.517.838)
Cổ tức bằng cổ phiếu	8.922.220.000	-	-	-	-	-	-	(8.922.220.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	136.484.024	-	-	-	136.484.024
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	5.714.053.793	-	-	-	-	5.714.053.793
Ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ đầu tư công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(54.091.460)	(54.091.460)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	396.606.520.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	-	10.973.114.162	192.503.849	117.180.573.235	577.565.985.039
Vốn cổ phần đã phát hành	125.893.480.000	-	-	-	-	-	-	-	125.893.480.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(108.234.917.612)	(108.234.917.612)
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(960.157.350)	(960.157.350)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	-	10.973.114.162	192.503.849	7.985.498.273	594.264.390.077

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã Thuyết số minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(79.229.073.130)	74.277.267.574
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	151.859.288.140	73.173.059.543
Các khoản dự phòng	03	30.072.090.076	1.674.475.621
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	2.690.497.356	3.173.857.215
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(7.009.663.405)	(55.574.971)
Lợi nhuận từ công ty liên kết		-	(2.587.659.115)
Thu nhập lãi tiền gửi		(1.665.983.443)	(828.491.513)
Chi phí lãi vay	06	252.699.597.645	109.054.194.257
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	349.416.753.239	257.881.128.611
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	76.288.820.013	(113.603.805.285)
Biến động hàng tồn kho	10	20.162.220.970	(253.917.796.703)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.977.873.387	32.725.814.226
		451.845.667.609	(76.914.659.151)
Tiền lãi vay đã trả	13	(248.215.640.512)	(107.945.166.484)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.740.264.202)	(21.812.555.597)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.996.130.909)	(309.725.950)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	170.893.631.986	(206.982.107.182)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(93.803.999.615)	(516.244.798.410)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	33.762.384.636	28.273.609.068
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.665.983.443	828.491.513
Tiền thuần chi mua công ty con		-	(108.654.602.943)
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(58.375.631.536)	(595.797.300.772)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	125.893.480.000	16.606.520.000
Cổ đông thiểu số góp vốn		-	1.420.000.000
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	32	-	(780.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	2.402.846.421.909	1.885.123.923.118
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.599.514.036.571)	(1.086.634.815.421)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(79.753.002.284)	(70.592.237.610)
Tiền thuần (chỉ cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	(150.527.136.946)	745.922.610.087
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(38.009.136.496)	(56.856.797.867)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	84.396.800.343	141.253.598.210
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	46.387.663.847	84.396.800.343

CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ


	2011 VND	2010 VND
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	26.885.440.000	70.172.714.552
Xây dựng cơ bản dở dang thuê tài chính	40.529.877.556	-
Chuyển chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn	4.803.780.260	-

Người lập:


Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:


La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt, vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 1.192 nhân viên (31/12/2010: 1.281 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể đến ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ phi Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết các khoản lỗ này.

Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Nhựa		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.714.655.412.265	1.121.796.087.123	123.081.096.485	81.480.014.644	-	-	1.837.736.508.750	1.203.276.101.767
Doanh thu trong bộ phận	1.144.380.768.034	503.625.157.521	13.905.867.059	-	(1.158.286.635.093)	(503.625.157.521)	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	16.355.995.120	1.832.689.536	283.389.580	22.839.033.863	(16.639.384.700)	(24.671.723.399)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	48.459.497.073	6.148.324.235	1.185.537.218	414.822.079	(44.275.684.072)	(2.997.795.326)	5.369.350.219	3.565.350.988
Tổng doanh thu bộ phận	2.923.851.672.492	1.633.402.258.415	138.455.890.342	104.733.870.586	(1.219.201.703.865)	(531.294.676.246)	1.843.105.858.969	1.206.841.452.755
Chi phí bộ phận	(2.747.323.562.966)	(1.486.367.253.068)	(396.649.535.278)	(172.663.461.605)	1.218.024.435.706	521.910.521.638	(1.925.948.662.538)	(1.137.120.193.035)
Kết quả kinh doanh bộ phận	176.528.109.526	147.035.005.347	(258.193.644.936)	(67.929.591.019)	(1.177.268.159)	(9.384.154.608)	(82.842.803.569)	69.721.259.720
Thu nhập khác							36.028.446.519	32.830.269.881
Chi phí khác							(32.414.716.080)	(30.861.921.142)
Lợi nhuận được chia trong công ty liên kết							-	2.587.659.115
Thuế thu nhập							(30.959.580.265)	(25.698.099.428)
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế							(110.188.653.395)	48.579.168.146

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Nợ		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	420.020.642.290	493.470.879.405	152.303.086.228	234.979.766.527	572.323.728.518	728.450.645.932
Tài sản dài hạn	1.146.330.374.063	1.189.788.289.957	335.855.916.056	318.063.972.048	1.482.186.290.119	1.507.852.262.005
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	2.316.778.124	1.529.035.468
	1.566.351.016.353	1.683.259.169.362	488.159.002.284	553.043.738.575	2.056.826.796.761	2.237.831.943.405
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	932.762.130.955	746.758.364.276	91.743.044.546	216.979.706.979	1.024.505.175.501	963.738.071.255
Nợ dài hạn	297.392.836.896	512.598.148.110	140.664.394.287	181.976.003.218	438.057.231.183	694.574.151.328
	1.230.154.967.851	1.259.356.512.386	232.407.438.833	398.955.710.197	1.462.562.406.684	1.658.312.222.583
Khấu hao và phân bổ	105.267.034.226	65.849.567.323	46.592.253.914	7.323.492.220	151.859.288.140	73.173.059.543
Các khoản dự phòng	179.046.000	1.623.158.503	29.893.044.076	51.317.118	30.072.090.076	1.674.475.621
Mua sắm tài sản	42.854.968.919	281.857.698.896	50.949.030.696	234.387.099.514	93.803.999.615	516.244.798.410

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.698.409.573.996	1.163.205.093.506	139.326.934.754	40.071.008.261	1.837.736.508.750	1.203.276.101.767
Tài sản bộ phận	2.056.826.796.761	2.237.831.943.405	-	-	2.056.826.796.761	2.237.831.943.405
Chi tiêu vốn	93.803.499.615	516.244.798.410	-	-	93.803.499.615	516.244.798.410

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	538.650.249	653.123.633
Tiền gửi ngân hàng	42.319.013.598	83.743.676.710
Các khoản tương đương tiền	3.530.000.000	-
	46.387.663.847	84.396.800.343

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 7.675 triệu VND (31/12/2010: 4.894 triệu VND).

5. Phải thu ngắn hạn

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa từ các khoản phải thu.

Ban Giám đốc xây dựng chính sách tín dụng theo đó các khách hàng mới được tiến hành phân tích về khả năng tín dụng và điều kiện về vốn trước khi các điều kiện và điều khoản thanh toán chuẩn và giao nhận được thiết lập. Công ty lập khoản dự phòng tổn thất phản ánh ước tính về lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác. Phần chính của khoản dự phòng này là các phần lỗ cụ thể cho từng khoản phải thu cụ thể.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo như sau:

	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	150.719.139.851	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	36.758.725.561	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	9.651.624.373	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.151.891.657	-
	201.281.381.442	-

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh giá trị hợp lý của các khoản phải thu do thời gian đáo hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	29.682.939.444	18.680.711.778
Nguyên vật liệu	131.270.986.921	193.403.878.002
Công cụ và dụng cụ	4.594.602.550	6.905.818.651
Sản phẩm dở dang	84.854.215.500	16.433.883.037
Thành phẩm	54.880.630.569	83.237.198.164
Hàng hóa	743.691.511	2.144.376.592
Hàng gửi đi bán	115.253.018	5.498.674.259
	<hr/>	<hr/>
	306.142.319.513	326.304.540.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.944.361.194)	(51.317.118)
	<hr/>	<hr/>
	276.197.958.319	326.253.223.365
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	51.317.118	-
Tăng dự phòng trong năm	29.916.543.465	51.317.118
Hoàn nhập	(23.499.389)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	29.944.361.194	51.317.118
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	106.732.982.560	5.930.233.917	828.601.475.100	29.659.604.588	970.924.296.165
Tăng trong năm	3.036.212.363	2.081.608.523	22.617.954.283	4.618.441.312	32.354.216.481
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.011.590.476	1.584.952.613	147.131.783.218	3.323.653.636	192.051.979.943
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	58.041.470.490	3.717.435.192	61.758.905.682
Thanh lý	(350.670.776)	(119.495.895)	(24.536.534.655)	(7.815.246.030)	(32.821.947.356)
Phân loại lại	79.000.000	1.090.984.503	(2.178.699.650)	1.008.715.147	-
Số dư cuối năm	149.509.114.623	10.568.283.661	1.029.677.448.786	34.512.603.845	1.224.267.450.915
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.775.833.852	1.874.478.594	235.808.778.203	7.590.449.557	258.049.540.206
Khấu hao trong năm	5.753.816.873	1.657.421.471	81.629.445.813	4.326.150.636	93.366.834.793
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	16.939.760.796	1.392.835.730	18.332.596.526
Thanh lý	(23.378.052)	(90.311.988)	(2.847.414.546)	(3.108.121.539)	(6.069.226.125)
Phân loại lại	-	393.667.314	-	(393.667.314)	-
Số dư cuối năm	18.506.272.673	3.835.255.391	331.530.570.266	9.807.647.070	363.679.745.400
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	93.957.148.708	4.055.755.323	592.792.696.897	22.069.155.031	712.874.755.959
Số dư cuối năm	131.002.841.950	6.733.028.270	698.146.878.520	24.704.956.775	860.587.705.515

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 45.517 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 32.287 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 788.872 triệu VND (31/12/2010: 559.095 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	256.891.737.957	13.360.498.961	270.252.236.918
Tăng trong năm	-	26.885.440.000	26.885.440.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.336.712.766	3.336.712.766
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(58.041.470.490)	(3.717.435.192)	(61.758.905.682)
Xóa sổ	-	(46.975.545)	(46.975.545)
Phân loại lại	(392.469.000)	392.469.000	-
Số dư cuối năm	198.457.798.467	40.210.709.990	238.668.508.457
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	36.840.229.846	2.459.758.204	39.299.988.050
Khấu hao trong năm	20.810.435.052	3.619.602.570	24.430.037.622
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.939.760.796)	(1.392.835.730)	(18.332.596.526)
Số dư cuối năm	40.710.904.102	4.686.525.044	45.397.429.146
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	220.051.508.111	10.900.740.757	230.952.248.868
Số dư cuối năm	157.746.894.365	35.524.184.946	193.271.079.311

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	268.205.243.163	1.260.240.267	269.465.483.430
Tăng trong năm	-	361.907.771	361.907.771
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	29.571.663.068	350.308.000	29.921.971.068
Xóa sổ	(133.178.049)	-	(133.178.049)
Số dư cuối năm	297.643.728.182	1.972.456.038	299.616.184.220
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.026.175.424	316.282.039	5.342.457.463
Khấu hao trong năm	2.442.714.629	335.860.869	2.778.575.498
Xóa sổ	(133.178.049)	-	(133.178.049)
Số dư cuối năm	7.335.712.004	652.142.908	7.987.854.912
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	263.179.067.739	943.958.228	264.123.025.967
Số dư cuối năm	290.308.016.178	1.320.313.130	291.628.329.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.108 triệu VND (31/12/2010: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định là 199.433 triệu VND (31/12/2010: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	204.787.146.822	250.037.533.052
Tăng trong năm	80.674.461.371	406.015.772.665
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(192.051.979.943)	(450.816.696.286)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(29.921.971.068)	-
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(3.336.712.766)	(449.462.609)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	60.150.944.416	204.787.146.822

Trong năm, không phát sinh chi phí vay được vốn hoá vào xây dựng cơ bản dở dang (2010: 3.420 triệu VND).

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	16.270.304.558	5.202.497.624	21.472.802.182
Tăng trong năm	-	18.418.139.173	18.418.139.173
Phân bổ trong năm	(7.161.829.012)	(17.528.960.224)	(24.690.789.236)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.803.780.260)	-	(4.803.780.260)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.304.695.286	6.091.676.573	10.396.371.859

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Chi phí phải trả	1.885.668.628	1.351.750.391
Lợi nhuận chưa thực hiện	431.109.496	177.285.077
	<hr/>	<hr/>
	2.316.778.124	1.529.035.468

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

13. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	3.392.890.436
Phân bổ trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	9.985.941.427
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	62.537.619.474
Số dư cuối năm	55.944.568.483

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	678.201.196.114	676.801.591.981
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18)	176.883.469.194	129.914.415.201
	<u>855.084.665.308</u>	<u>806.716.007.182</u>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VND	16,0%-18,5%	375.451.105.642	197.955.125.581
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	USD	6,0%	13.059.156.000	-
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VND	16,5%-17,6%	30.584.753.367	95.857.491.086
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VND	16,0%-18,7%	25.837.927.273	30.926.155.718
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VND	14,0%	89.307.371.878	93.306.683.750
Ngân hàng ANZ	VND	16,0%-17,5%	32.700.129.000	44.031.487.500
Ngân hàng HSBC	VND	15,0%-18,5%	67.318.142.224	89.658.229.624
Ngân hàng HSBC	VND	12,5%	13.859.031.177	17.566.314.992
Ngân hàng HSBC	USD	6,0%	17.540.223.553	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	15,0%-16,7%	-	42.609.943.981
Ngân hàng Tiên Phong	VND	10,5%	-	24.292.944.767
Ngân hàng An Bình	VND	14,5%	-	22.505.214.982
Ngân hàng Bảo Việt	VND	19,0%-20,0%	12.543.356.000	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	13,5%-17,0%	-	18.092.000.000
			678.201.196.114	676.801.591.981

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 174.898 triệu VND và 10.236 triệu VND (31/12/2010: không).

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.773.625.725	3.963.628.342
Thuế nhập khẩu	260.814.473	29.412.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.379.855.634	9.372.796.915
Thuế thu nhập cá nhân	566.511.654	563.192.361
	18.980.807.486	13.929.030.333

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay phải trả	12.815.207.133	8.331.250.000
Lương và thưởng	5.435.540.167	4.706.437.710
Chi phí khác	825.327.526	1.518.664.288
	<hr/>	<hr/>
	19.076.074.826	14.556.351.998
	<hr/>	<hr/>

17. Các khoản phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ký quỹ của khách hàng	9.368.967.015	731.507.797
Các khoản phải trả khác	4.514.838.949	6.530.513.352
	<hr/>	<hr/>
	13.883.805.964	7.262.021.149
	<hr/>	<hr/>

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn (a)	379.257.286.946	462.199.665.724
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn (b)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính (c)	135.675.820.107	145.578.821.659
Nợ dài hạn khác	-	114.996.050.609
	<hr/>	<hr/>
	614.933.107.053	822.774.537.992
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 14)	(176.883.469.194)	(129.914.415.201)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	438.049.637.859	692.860.122.791
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay từ Ngân hàng Tiên Phong và Ngân hàng Đại Dương					
	VND	10,5%- 19,0%	2013	33.324.929.755	49.241.469.648
Ngân hàng Indovina	USD	7,5%	2013	4.668.359.386	7.072.287.711
Ngân hàng An Bình	VND	11,0%	2013	262.500.000	420.000.000
Ngân hàng An Bình	VND	20,0%	2014	14.233.270.000	19.113.310.000
Ngân hàng An Bình	VND	12,0%	2015	109.043.603.785	149.603.603.785
Ngân hàng An Bình	VND	15,0%	2015	48.239.174.637	52.004.010.006
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2011	-	526.811.790
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2011	-	23.413.855
Ngân hàng Tiên Phong	VND	17,6%	2011	-	712.449.237
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	4.212.489.400	5.616.089.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	7.265.631.800	9.687.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2014	1.701.000.000	2.268.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%- 18,0%	2014	102.725.000	136.725.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	20,0%	2016	136.713.603.183	146.283.863.492
Ngân hàng HSBC	VND	19,7%	2015	19.490.000.000	19.490.000.000
				379.257.286.946	462.199.665.724

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ lần lượt là 613.974 triệu VND và 34.872 triệu VND (31/12/2010: tài sản cố định hữu hình là 559.095 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 6.069 triệu VND).

(b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đợt 1 (i)	VND	15,5%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
Đợt 2 (ii)	VND	15,3%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
				100.000.000.000	100.000.000.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

- i. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm và không cho phép chuyển đổi với mệnh giá 1 tỷ VND đã được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Trong năm đầu tiên, trái phiếu chịu lãi suất năm là 13%, kể từ năm thứ hai, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARD và Vietinbank) cộng 4% nhưng không thấp hơn 13%. Trái phiếu sẽ được mua lại hết vào ngày 20 tháng 5 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011, lãi suất năm là 15,5%/năm và từ tháng 7 năm 2011 là 18%/năm.
- ii. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm và không cho phép chuyển đổi với mệnh giá 1 tỷ VND đã được phát hành vào ngày 1 tháng 7 năm 2009. Trong năm đầu tiên, trái phiếu chịu lãi suất năm là 13%, kể từ năm thứ hai, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARD và Vietinbank) cộng 4%. Trái phiếu sẽ được mua lại hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011, lãi suất năm là 15,3%/năm và từ tháng 7 năm 2011 là 18%/năm.

(c) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với hợp đồng thuê tài chính phải trả trong tương lai như sau:

	31/12/2011		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	72.124.507.099	13.880.628.887	58.243.878.212
Từ hai đến năm năm	89.324.608.688	11.892.666.793	77.431.941.895
	161.449.115.787	25.773.295.680	135.675.820.107
	31/12/2010		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	64.540.898.608	14.691.779.644	49.849.118.964
Từ hai đến năm năm	113.050.825.695	17.321.123.000	95.729.702.695
	177.591.724.303	32.012.902.644	145.578.821.659

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 27.261 triệu VND (31/12/2010: 45.857 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản vay chịu lãi suất biến đổi khiến Tập đoàn chịu rủi ro biến động dòng tiền trong khi các khoản vay với lãi suất cố định khiến Tập đoàn chịu rủi ro biến động giá trị hợp lý do biến động lãi suất.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thuần bằng cách duy trì các dòng tín dụng hiệu quả để đạt được chi phí cho vay hợp lý và bằng cách liên tục giám sát các rủi ro đó.

Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến để đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ lượng tiền và các khoản cam kết tín dụng thích hợp từ các ngân hàng kết để đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	102.261.126.119	102.261.126.119	102.261.126.119	-	-
Vay ngắn hạn	678.201.196.114	713.733.276.215	713.733.276.215	-	-
Vay dài hạn	379.257.286.946	505.719.249.805	181.928.879.053	156.987.474.054	166.802.896.698
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	100.000.000.000	144.575.000.000	18.300.000.000	18.250.000.000	108.025.000.000
Nợ thuê tài chính	135.675.820.107	161.449.115.787	72.124.507.099	65.928.129.296	23.396.479.392
	1.395.395.429.286	1.627.737.767.926	1.088.347.788.486	241.165.603.350	298.224.376.090

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm, lỗ thuần của Tập đoàn sẽ tăng 5.671 triệu VND.

Giá trị ghi sổ của nợ dài hạn tương đương giá trị hợp lý của chúng dựa trên lãi suất hiện hành đối với các khoản nợ dài hạn khác có kỳ hạn và thời gian đáo hạn tương tự.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	38.000.000	380.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	39.660.652	396.606.520.000
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	39.660.574	396.605.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	39.660.574	396.605.740.000	37.107.778	371.077.780.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	892.222	8.922.220.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	12.589.348	125.893.480.000	1.660.652	16.606.520.000
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(78)	(780.000)
Số dư cuối năm	52.249.922	522.499.220.000	39.660.574	396.605.740.000

Công ty đã quyết định phát hành 14.250.000 cổ phiếu theo mệnh giá và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phát hành theo công văn số 751/UBCK-GCN ngày 2 tháng 12 năm 2010. Thời gian phát hành là 90 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2011, 14.250.000 cổ phiếu đã được phát hành đủ, trong đó Ông La Văn Hoàng nhận 4.365.044 cổ phiếu và các cổ đông khác nhận 9.884.956 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Ông Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Red River Holding	5.637.874	10,74%
Cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	<hr/>	
	52.249.922	100%
	<hr/>	

20. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí cho Hội đồng Quản trị Công ty.

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.953.735.783	3.762.060.490
Cổ đông thiểu số góp vốn	-	1.420.000.000
Tăng do thay đổi tỷ lệ cổ đông thiểu số	-	54.091.459
Mua công ty con	-	583.574.210
Lỗ thuộc các cổ đông thiểu số	(1.953.735.783)	(3.865.990.376)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	-	1.953.735.783
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.665.983.443	828.491.513
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.357.469.933	2.129.331.453
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	313.637.136	421.627.142
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.259.707	185.900.880
	<hr/>	<hr/>
	5.369.350.219	3.565.350.988
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	252.699.597.645	109.054.194.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.980.324.698	11.899.602.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.004.134.492	3.595.484.357
Chi phí tài chính khác	60.000.000	1.565.799.293
	<hr/>	<hr/>
	270.744.056.835	126.115.080.731
	<hr/>	<hr/>

25. Thu nhập khác

	2011	2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	33.762.384.636	28.273.609.068
Thu nhập khác	2.266.061.883	4.556.660.813
	<hr/>	<hr/>
	36.028.446.519	32.830.269.881
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

26. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý	26.752.721.231	28.329.184.039
Chi phí khác	5.661.994.849	2.532.737.103
	<hr/>	<hr/>
	32.414.716.080	30.861.921.142
	<hr/>	<hr/>

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	25.753.413.003	19.489.542.304
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	5.993.909.918	6.986.666.053
	<hr/>	<hr/>
	31.747.322.921	26.476.208.357
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(787.742.656)	(778.108.929)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	30.959.580.265	25.698.099.428
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(79.229.073.130)	74.277.267.574
Thuế theo thuế suất của Công ty	(19.807.268.283)	11.141.590.136
Ưu đãi thuế	(14.874.545.611)	(6.647.224.661)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	16.199.349.320	941.797.936
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn của công ty con	-	(5.145.079.777)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.940.666.035	2.808.271.012
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	33.203.262.212	15.630.078.729
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời	4.304.206.674	-
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	5.993.909.918	6.968.666.053
	30.959.580.265	25.698.099.428

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty cổ phần Nhựa P.E.T có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

28. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số (lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011 VND	2010 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(108.234.917.612)	52.445.158.522

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	39.660.574	37.107.778
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại	-	(65)
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu	-	892.222
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.712.208	17.327
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	51.372.782	38.017.262

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ bên liên quan với các cổ đông chính. Tập đoàn cũng có quan hệ bên liên quan với công ty liên kết, các giám đốc và các cán bộ quản lý.

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Á	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hong Phú	Sản xuất hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	90%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901021836	79%

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2011 VND	2010 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	17.225.831.111	15.396.696.202

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

30. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	345.820
Phải thu thương mại	2.085.893
Phải trả thương mại	(389.656)
Vay và nợ ngắn hạn	(1.870.803)
Vay và nợ dài hạn	(1.131.373)
	<hr/>
	(960.119)
	<hr/>

Tỷ giá ngoại tệ được Tập đoàn áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.828 VND/USD (31/12/2010: 18.932 VND/USD).

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng trên lỗ thuần tại ngày 31/12/2011
USD (mạnh thêm 10%)	(1.499.801.890)
	<hr/>


Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.484.663.435.074	1.082.961.534.596
Chi phí nhân công	134.115.622.403	116.723.263.189
Chi phí khấu hao và phân bổ	151.859.288.140	73.173.059.543
Chi phí khác	269.823.897.488	184.829.145.958


Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012